

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HS-ST

Ngày: 29/3/2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Nghiệp;

2. Ông Phan Phước Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàn Mỹ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Triết - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 19/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2024, đối với bị cáo:

Lê Văn G, sinh năm 2001; Tên gọi khác: Không; chỗ ở hiện nay: **ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang**. Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: **Phật Giáo H**; quốc tịch: Việt Nam; cha **Lê Văn T**, sinh năm 1982, mẹ **Hà Thị T1**, sinh năm: 1980; Chưa vợ con, anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là người lớn nhất

Tiền án: Ngày 16/3/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 5 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là

02 năm 10 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tiền sự: Ngày 05/10/2023, bị Công an xã P, huyện A tỉnh An Giang xử phạt 1.500.000đ về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, đã nộp phạt.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/12/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện A.

Bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần Nhà tạm giữ Công an huyện A.

Bị hại: Ông La Trường P, sinh năm 1977, cư trú: ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị Cẩm D, sinh năm: 1984, cư trú: Khóm A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang - Vắng mặt

2. Hà Thị T1 (V), sinh năm 1980, cư trú: ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang – Có mặt.

Người làm chứng: Bà La Thị Cẩm T2 – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 03/12/2023, Lê Văn G điều khiển xe tải chở thuê đến lấy hàng tại cơ sở trồng dưa lưới của chị La Thị Cẩm T2 tại đường cộ nội đồng ấp P, xã P. Trong khi chờ đưa hàng hóa lên xe, G đến trại của ông La Trường P (cách đó 250m) để nằm vông nghỉ ngơi. Lúc này, G nghe tiếng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A52, màu xanh đen của anh P đổ chuông, không người trông giữ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. G lén lút lấy điện thoại tắt nguồn và cất giấu vào túi quần mang về nhà.

Ngày 06/12/2023, G tiến hành tháo sim và thẻ nhớ để ở lưu hương trên bàn thờ ở nhà mình, rồi mang điện thoại lấy trộm được đến dịch vụ cầm đồ “Trung Hiếu” thuộc khóm A, thị trấn A cầm được số tiền 1.000.000đ và tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 11/12/2023, anh P nghi ngờ G lấy trộm nên đến Công an xã P trình báo. Cùng ngày, Công an xã P tiến hành triệu tập G đến trụ sở để làm rõ. Tại đây, G đầu thú, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội vừa nêu. Bà Hà Thị T1 - mẹ ruột G đã giao

nộp sim và thẻ nhớ, đồng thời bà đã cuộc điện thoại di động, giao nộp cho Công an xã P.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 175/KL-HĐĐG.TTHS ngày 18/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang xác định: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A52, màu xanh đen, dung lượng Ram – Ron 6GB, số seri 35c169dd, đã qua sử dụng có giá 1.300.000đ.

Ngày 21/12/2023, Lê Văn G bị khởi tố điều tra.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A52, màu xanh đen, dung lượng Ram – Ron 6GB, số seri 35c169dd, đã qua sử dụng.
- 01 (một) thẻ nhớ dung lượng 8GB;
- 01 (một) sim Mobifone.

Lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trình bày phù hợp với nội dung vụ án. Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất trộm.

Tại bản cáo trạng số: 19/VKS-HS ngày 06 tháng 3 năm 2024 truy tố bị cáo Lê Văn G về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng vừa nêu.

Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà D, người làm chứng vắng mặt.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo: Lê Văn G về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 theo Điều 173, áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 56 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đề nghị tuyên phạt bị cáo tù 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm tù. Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù, cho hưởng án treo theo Bản án hình sự của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, Bình Dương, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng

Về biện pháp tư pháp: Vật chứng đã được Cơ quan điều tra Công an huyện A trao trả cho người bị hại nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản; người liên quan không có yêu cầu bồi thường nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Bị cáo không ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì về phần luận tội của Đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo rất hối hận về hành vi của bản thân đã gây ra, rất mong được Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ cho bị cáo sớm trở về phụ giúp gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà D, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng họ đã có lời khai tại Cơ quan điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Xét việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong giai đoạn điều tra, truy tố bị cáo đã khai nhận phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, lời khai người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa.

Bị cáo thừa nhận do cần tiền để trả nợ nên khi thấy điện thoại di động của anh P đổ chuông, quan sát không có người nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm

đoạt, lấy trộm điện thoại di động có giá trị 1.300.000đ, sau đó tắt nguồn và bỏ vào túi quần mang về nhà cất giấu đúng như cáo trạng vừa nêu.

Mặc dù giá trị tài sản bị cáo lấy trộm không đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo đã bị Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 5 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm 10 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố bị cáo trước phiên tòa hôm nay là có căn cứ, đúng người đúng tội.

[4] Xét tính chất vụ án, hành vi của bị cáo:

Tài sản là vốn quý có được từ quá trình lao động cực nhọc, chính đáng của cá nhân mới có được; hành vi bị cáo thực hiện đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ.

Bị cáo đã phạm tội trộm cắp tài sản, được hưởng án treo đang được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Lẽ ra, bị cáo phải ăn năn, hối hận, tích cực lao động tạo thu nhập hợp pháp để nuôi sống bản thân và gia đình nhưng ngược lại vì bản tính thích hưởng thụ, lười lao động, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động nên bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Điều này đã thể hiện, bị cáo không có ý thức cải tạo, bất chấp pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết phải có mức hình phạt nghiêm, phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra và tổng hợp hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2021/HS-ST ngày 16/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung như đề nghị của Kiểm sát viên, nhằm giáo dục bị cáo và phát huy tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Không có

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã tác động người thân chuộc lại điện thoại giao trả cho người bị hại. Bị hại đã nhận lại tài sản và đơn xin giảm

nhẹ hình phạt cho bị cáo, người có quyền lợi liên quan không yêu cầu gì khác.

Bên cạnh đó, bị cáo có trình độ học vấn thấp, khả năng nhận thức pháp luật hạn chế. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích trên, xét thấy bị cáo là đối tượng lười lao động, thiếu ý chí rèn luyện, tu dưỡng. Do đó, cần áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để có thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội về sau.

Xét đề nghị về mức hình phạt của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, nên chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại đã nhận lại tài sản mất trộm; người liên quan không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Các đối tượng liên quan: Đối với **Nguyễn Thị Cẩm D** không biết mua điện thoại OPPO A52 của **G** là do phạm tội mà có nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[9] Xử lý vật chứng: Xét trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành trao trả cho bị hại 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A52, màu xanh đen, dung lượng Ram – Ron 6GB, số seri 35c169dd, đã qua sử dụng; 01 (một) thẻ nhớ dung lượng 8GB và 01 (một) sim Mobifone là đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Lê Văn G** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 55, 56 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017);

Xử phạt bị cáo **Lê Văn G** 10 (mười) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2021/HS-ST của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giam 13/12/2023.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Về án phí:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Buộc bị cáo **Lê Văn G** phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/3/2024) hoặc kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- VKS tỉnh An Giang (01);
- VKS An Phú (02);
- TAT An Giang (01);
- Sở Tư pháp An Giang (01);
- NTG An Phú (03);
- THA DS An Phú (01);
- THAHS (02);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA (01);
- Lưu VP (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thảo Ngân